

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-ST
Ngày 23-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2019/TLST-DS ngày 12/6/2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nhị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 29, Khu phố 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Nhị H và bà Phạm Thị Mỹ N có quan hệ là chị em bạn dâu. Ngày 06/8/2017, bà H có cho bà Phạm Thị Mỹ N vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng. Khi vay tiền, hai bên có lập tờ cam kết đề ngày 06/8/2017 với nội dung như sau: “Tôi tên Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1963; ngụ tại: Khu 3, phường Đ. Tôi có mượn của chị 3 Nguyễn Thị

Nhị H số tiền là 30.000.000 đồng (viết bằng chữ ba chục triệu đồng chẵn). Hôm nay nhận ngày 06/8/2017 tôi mượn đúng 3 tháng đến ngày 06/11/2017 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền nêu trên nếu không đúng hạn tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật". Tờ cam kết được bà Phạm Thị Mỹ N ký tên, lăn tay xác nhận, bà N không thể chấp giấy tờ hay tài sản gì cho bà H.

Khi vay tiền, bà N hứa trả lãi cho bà H nhưng hai bên không thỏa thuận mức lãi suất là bao nhiêu. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay bà N không trả khoản tiền lãi nào cho bà H. Đến thời hạn trả tiền vay, bà H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà N trả số tiền đã vay nhưng bà N cố tình trốn tránh không thực hiện.

Do đó, bà Nguyễn Thị Nhị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Mỹ N phải thanh toán cho bà H số tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/11/2017 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng, tạm tính từ ngày 07/11/2017 đến ngày nộp đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 là 18 tháng: $30.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 5.400.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 35.400.000 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị Nhị H thay đổi yêu cầu về mức lãi suất chậm thanh toán, bà H yêu cầu bà N thanh toán tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 07/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N nhưng bà N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Nhị H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ N thanh toán số tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N có nơi cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N đã được triệu tập theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà N.

[3] Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi chậm thanh toán, chỉ yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N thanh toán tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 07/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền vay: Bà Nguyễn Thị Nhị H căn cứ Tờ cam kết ngày 06/8/2017 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ N thanh toán số tiền vay là 30.000.000 đồng. Xét thấy, nội dung Tờ cam kết ngày 06/8/2017 thể hiện bà Phạm Thị Mỹ N xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị Nhị H số tiền 30.000.000 đồng và cam kết sẽ hoàn trả sau 03 tháng từ ngày 06/8/2017 đến ngày 06/11/2018. Tờ cam kết ngày 06/8/2017 bà N đã ký tên xác nhận và lặn tay điểm chỉ. Tuy nhiên, khi đến hạn bà N không thực hiện việc thanh toán nợ cho bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bà N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà N đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với bà H. Do đó, căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhị H đối với bà Phạm Thị Mỹ N về việc thanh toán số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán: Bà H yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ N thanh toán tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 07/11/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, bà H cho rằng khi vay tiền, bà N hứa trả lãi cho bà H nhưng hai bên không thỏa thuận mức lãi suất. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc hai bên có thỏa thuận lãi cũng như việc bà N có trả tiền lãi cho bà H. Như vậy, việc vay tiền giữa bà H và bà N thuộc trường hợp vay không có lãi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có

quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, việc bà H yêu cầu bà N thanh toán tiền lãi chậm trả là có căn cứ. Theo đó, bà N có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền lãi cụ thể như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 09 \text{ tháng } 15 \text{ ngày}$ (từ ngày 07/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2019) = 5.373.287 đồng.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 35.373.287 đồng, với số tiền án phí là: $35.373.287 \text{ đồng} \times 5\% = 1.768.664 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị Nhị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhị H đối với bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Phạm Thị Mỹ N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nhị H số tiền 35.373.287 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.373.287 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Mỹ N phải chịu số tiền 1.768.664 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi tư đồng). Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nhị H số tiền 855.000 đồng (Tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034013 ngày 30/5/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung